

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DS-ST

Ngày: 14-3-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C, sinh năm 1940

Địa chỉ: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/7/2024)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Ngày 30/02/2022 (Âm lịch) con gái bà Trần Thị C là bà Trần Thị Phi, sinh năm 1953 có tham gia 01 dây hụi 3.000.000đ/tháng do bà Lê Thị M là đầu thảo. Dây hụi này gồm 27 người tham gia, hụi đóng vào ngày 05 hàng tháng, giá chết là 500.000đ, tiền công gom hụi là 1.000.000đ. Ngày 23/10/2023 (AL) bà Phi mất (Theo trích lục khai tử ngày 11/12/2023 của UBND xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An) nên con gái bà C em bà Phi là bà Trần Thị T đóng thay chị đến khi mãn hụi là tháng 03/2024. Nhưng hụi đã mãn mà bà M vẫn chưa giao hụi của bà Phi cho bà C (là người thừa kế duy nhất của bà Phi). Số tiền hụi bà Phi sẽ được nhận cụ thể: $26 \times 3.000.000\text{đ} = 78.000.000\text{đ}$. Nên bà C người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phi khởi kiện yêu cầu bà M trả cho cho bà C số tiền nợ hụi là 78.000.000đ.

- *Bị đơn – bà Lê Thị M trình bày:* Tôi là chủ hụi dây hụi 3.000.000đ mà bà Trần Thị Phi (đã chết) con ruột bà Trần Thị C tham gia. Bà C khởi kiện tôi trả tiền nợ hụi là 78.000.000đ là không đúng. Tôi xác định hụi đã mãn và tiền hụi còn nợ là $25 \times 3.000.000\text{đ} = 75.000.000\text{đ}$, trừ 1000.000đ tiền công gom hụi nên nợ hụi là 74.000.000đ. Do bị vỡ hụi nên tôi xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Sau khi đối chiếu hụi giấy hụi với bà M bà thống nhất bà M còn nợ hụi lại bà Phi là 74.000.000đ nên bà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bà M trả tiền nợ hụi một lần là 74.000.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày:* Bà có đóng dùm hụi cho chị Phi của bà mấy kỳ hụi sau khi chị Phi mất nhưng không nhớ đóng bao nhiêu, tiền hụi bà M nợ bà Phi thì bà để mẹ bà là bà C dưỡng già nên bà không yêu cầu bà C phải trả lại tiền hụi bà đóng dùm chị Phi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng góp hụi” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về người tham gia tố tụng: Người tham gia hụi là bà Trần Thị Phi đã chết (Theo trích lục khai tử ngày 11/12/2023 của UBND xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An), bà Phi không có chồng và con, cha bà

Phỉ là ông Trần Văn Đơn đã chết nên mẹ ruột bà Phỉ là bà Trần Thị C là người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Phỉ khởi kiện vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Bà C người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị Phỉ đã chết (Theo trích lục khai tử ngày 11/12/2023 của UBND xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An) khởi kiện và cung cấp chứng cứ là “Danh sách góp vốn xoay vần” thể hiện bà Phỉ có tham gia hội do bà Lê Thị M làm chủ thảo và hội đã mượn với số tiền nợ hội là 74.000.000đ. Bà C đã nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M không trả nên bà C khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ hội là 74.000.000đ và không yêu tính lãi.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của bà C đến phiên tòa hôm nay, bà M thừa nhận còn hội bà Phỉ đã chết là 74.000.000đ và đồng ý trả cho bà C số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà C đối với bà M về số tiền nợ hội 75.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T là người đóng hội cho bà Phỉ sau khi bà Phỉ mất nhưng bà không khởi kiện bà C phải trả lại tiền đã đóng hội cho bà Phỉ và đồng ý để bà C nhận tiền nợ hội 74.000.000đ từ bà M. Do đó hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn bà C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. bà Lê Thị M chịu số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Bà Trần Thị C sinh năm 1940 trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nên không có hoàn lại tạm ứng án phí cho bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C đối với bà Lê Thị M.

Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C số tiền nợ hụi là 74.000.000đ (Bảy mươi bốn triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Trần Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị M chịu số tiền 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Bà Trần Thị C sinh năm 1940 trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không hoàn lại tạm ứng án phí cho bà C.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương